TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/DS-PT
Ngày: 08 – 8 - 2019.
Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu**.**

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kiều Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng***: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 144/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **M**. Địa chỉ: ấp C2, xã B2, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông **M1**, địa chỉ: ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2019 – Có mặt).

Bị đơn: Bà **N**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông **N1**, địa chỉ: Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 05/8/2019 – Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **P**. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông **N1**, địa chỉ: Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 05/8/2019 – Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 của nguyên đơn bà M trình bày:

Vào năm 2013, bà M có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi, cụ thể: Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 22/5/2013 âm lịch, có 40 phần, bà M tham gia 01 phần và đóng hụi đến lần thứ 39 và đến lần thứ 40 (22/7/2016 âm lịch) bà M là người được nhận tiền hụi với số tiền là 38.500.000 đồng (đã trừ hoa hồng 500.000đồng) nhưng bà N chưa có giao tiền, bà M nhiều lần yêu cầu giao tiền nhưng bà N vẫn không thực hiện.

Bà M yêu cầu vợ chồng bà N và ông P trả số tiền hụi 38.500.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 22/7/2016 âm lịch đến ngày khởi kiện ngày 02/01/2019 là 9.266.950 đồng mức lãi 0,83%/tháng và yêu cầu bà N và ông P phải trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi từ ngày 22/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 24/8/2016) đến ngày 01/01/2017 mức lãi suất 0,75%/tháng và từ ngày 02/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/5/2019 mức lãi suất 0,83%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2019 và tại phiên tòa ông N1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P trình bày:

Bà N và ông P có tổ chức chơi hụi do bà N làm chủ hụi, vào ngày 22/5/2013 âm lịch tổ chức dây hụi tháng, 01 tháng khui một lần, mức hụi 1.000.000đồng, không nhớ chính xác số người tham gia nhưng có 40 phần hụi, trong đó bà M tham gia 01 phần, bà M đóng hụi đầy đủ từ khi hụi mở lần đầu ngày 22/5/2013 âm lịch đến khi kết thúc, tính đến lần thứ 40 bà M đóng được 39 lần (lần 40 không phải đóng do là người nhận hụi sau cùng).

Khoảng đầu tháng 9/2016 âm lịch, kể từ ngày khui đến ngày giao tiền hụi dao động khoảng 10 ngày để chủ hụi đi gom hụi thì bà N và ông P đã giao đủ cho bà M số tiền 38.500.000 đồng (trong đó: 1.000.000 đồng x 39 lần – 500.000 đồng tiền hoa hồng) giao tiền tại nhà bà N không có làm biên nhận, không người chứng kiến.

Thời gian mãn hụi đến nay đã lâu, nay bà M lợi dụng việc giao tiền hụi không làm biên nhận để khởi kiện đòi tiền hụi nên bà N và ông P không đồng ý theo yêu cầu của bà M.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 10, Điều 15 và Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1) Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà M yêu cầu bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P trả tiền hụi còn nợ và tiền lãi.

2) Buộc bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà M tổng số tiền còn nợ 48.744.332 đồng (bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi hai đồng), trong đó tiền hụi là 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi 10.244.332 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2019, bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hụi" và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khỏa 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận vào năm 2013, bà M có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi, cụ thể: Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 22/5/2013 âl, có 40 phần, bà M tham gia 01 phần và đóng hụi đến lần thứ 39 và đến lần thứ 40 (22/7/2016

âm lịch) bà M là người được nhận tiền hụi với số tiền là 38.500.000đồng (đã trừ hoa hồng 500.000 đồng) nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Nguyên đơn bà M cho rằng sau khi mãn hụi chủ hụi là bà N không giao tiền hụi tiền là 38.500.000 đồng (đã trừ hoa hồng 500.000 đồng) cho bà. Bị đơn bà N cho rằng khoản 10 ngày sau khi mãn hụi bà N và ông P đã giao đủ cho bà M số tiền 38.500.000 đồng (trong đó: 1.000.000 đồng x 39 lần – 500.000 đồng tiền hoa hồng), giao tiền tại nhà bà N không có làm biên nhận, không người chứng kiến. Nguyên đơn không thừa nhận có nhận số tiền hụi là 38.500.000 đồng của bà N và ông P nhưng bà N và ông P không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là đã giao số tiền 38.500.000 đồng cho bà M. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của buộc bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà M tổng số tiền còn nợ 48.744.332 đồng trong đó tiền hụi là 38.500.000 đồng và tiền lãi 10.244.332 đồng là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà N và ông P, nhận thấy: Bà N và ông P kháng cáo cho rằng đã giao số tiền hụi là 38.500.000 đồng cho nguyên đơn là bà M nhưng không cung cấp được chứng cứ là bà M đã nhận số tiền nói trên. Do vậy, kháng cáo bà N và ông P là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N và ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được miễn do bà N và ông P là người cao tuổi.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà N và ông P.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 10, Điều 15 và Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà M yêu cầu bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P trả tiền hụi còn nợ và tiền lãi.

2. Buộc bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà M tổng số tiền còn nợ 48.744.332 đồng (bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi hai đồng), trong đó tiền hụi là 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi 10.244.332 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P không phải chịu.

Nguyên đơn bà M không phải chịu, hoàn trả cho bà M tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.194.173 đồng theo lai thu số 0003434 ngày 10/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N và ông P mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được miễn do bà N và ông P là người cao tuổi.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 08/8/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- TAND huyện A (1);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu HS-TDS(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Hữu